

Số: 27/2026/VTGS-BC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG****Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**

Công ty cổ phần Chứng khoán VTG xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 01 năm 2026 như sau:

**1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội**

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1   | BVS                                                          |                                                     |                                                      | BVS                                                           |
| 2   | CEO                                                          |                                                     |                                                      | CEO                                                           |
| 3   | DHT                                                          |                                                     |                                                      | DHT                                                           |
| 4   | DVM                                                          |                                                     |                                                      | DVM                                                           |
| 5   | DXP                                                          |                                                     |                                                      | DXP                                                           |
| 6   | HUT                                                          |                                                     |                                                      | HUT                                                           |
| 7   | IDC                                                          |                                                     |                                                      | IDC                                                           |
| 8   | LAS                                                          |                                                     |                                                      | LAS                                                           |
| 9   | LHC                                                          |                                                     |                                                      | LHC                                                           |
| 10  | MBS                                                          |                                                     |                                                      | MBS                                                           |
| 11  | NTP                                                          |                                                     |                                                      | NTP                                                           |
| 12  | PLC                                                          |                                                     |                                                      | PLC                                                           |
| 13  | PVB                                                          |                                                     |                                                      | PVB                                                           |
| 14  | PVC                                                          |                                                     |                                                      | PVC                                                           |
| 15  | PVI                                                          |                                                     |                                                      | PVI                                                           |
| 16  | PVS                                                          |                                                     |                                                      | PVS                                                           |
| 17  | SHS                                                          |                                                     |                                                      | SHS                                                           |
| 18  | TNG                                                          |                                                     |                                                      | TNG                                                           |
| 19  | VC3                                                          |                                                     |                                                      | VC3                                                           |
| 20  | VCS                                                          |                                                     |                                                      | VCS                                                           |
| 21  | VGS                                                          |                                                     |                                                      | VGS                                                           |
| 22  | VNR                                                          |                                                     |                                                      | VNR                                                           |

**2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hồ Chí Minh**

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 1   | AAA                                                          |                                                     |                                                      | AAA                                                           |
| 2   | ACB                                                          |                                                     |                                                      | ACB                                                           |
| 3   | AGG                                                          |                                                     |                                                      | AGG                                                           |
| 4   | ANV                                                          |                                                     |                                                      | ANV                                                           |
| 5   | ASM                                                          |                                                     |                                                      | ASM                                                           |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 6   | AST                                                          |                                                     |                                                      | AST                                                           |
| 7   | BAF                                                          |                                                     |                                                      | BAF                                                           |
| 8   | BCM                                                          |                                                     |                                                      | BCM                                                           |
| 9   | BFC                                                          |                                                     |                                                      | BFC                                                           |
| 10  | BIC                                                          |                                                     |                                                      | BIC                                                           |
| 11  | BID                                                          |                                                     |                                                      | BID                                                           |
| 12  | BMC                                                          |                                                     |                                                      | BMC                                                           |
| 13  | BMI                                                          |                                                     |                                                      | BMI                                                           |
| 14  | BMP                                                          |                                                     |                                                      | BMP                                                           |
| 15  | BSI                                                          |                                                     |                                                      | BSI                                                           |
| 16  | BVH                                                          |                                                     |                                                      | BVH                                                           |
| 17  | BWE                                                          |                                                     |                                                      | BWE                                                           |
| 18  | CHP                                                          |                                                     |                                                      | CHP                                                           |
| 19  | CII                                                          |                                                     |                                                      | CII                                                           |
| 20  | CMG                                                          |                                                     |                                                      | CMG                                                           |
| 21  | CNG                                                          |                                                     |                                                      | CNG                                                           |
| 22  | CRC                                                          |                                                     |                                                      | CRC                                                           |
| 23  | CSM                                                          |                                                     |                                                      | CSM                                                           |
| 24  | CSV                                                          |                                                     |                                                      | CSV                                                           |
| 25  | CTD                                                          |                                                     |                                                      | CTD                                                           |
| 26  | CTG                                                          |                                                     |                                                      | CTG                                                           |
| 27  | CTR                                                          |                                                     |                                                      | CTR                                                           |
| 28  | CTS                                                          |                                                     |                                                      | CTS                                                           |
| 29  | DBC                                                          |                                                     |                                                      | DBC                                                           |
| 30  | DBD                                                          |                                                     |                                                      | DBD                                                           |
| 31  | DCL                                                          |                                                     |                                                      | DCL                                                           |
| 32  | DCM                                                          |                                                     |                                                      | DCM                                                           |
| 33  | DGC                                                          |                                                     |                                                      | DGC                                                           |
| 34  | DGW                                                          |                                                     |                                                      | DGW                                                           |
| 35  | DHA                                                          |                                                     |                                                      | DHA                                                           |
| 36  | DHC                                                          |                                                     |                                                      | DHC                                                           |
| 37  | DHG                                                          |                                                     |                                                      | DHG                                                           |
| 38  | DIG                                                          |                                                     |                                                      | DIG                                                           |
| 39  | DPG                                                          |                                                     |                                                      | DPG                                                           |
| 40  | DPM                                                          |                                                     |                                                      | DPM                                                           |
| 41  | DPR                                                          |                                                     |                                                      | DPR                                                           |
| 42  | DRC                                                          |                                                     |                                                      | DRC                                                           |
| 43  | DVP                                                          |                                                     |                                                      | DVP                                                           |
| 44  | DXG                                                          |                                                     |                                                      | DXG                                                           |
| 45  | EIB                                                          |                                                     |                                                      | EIB                                                           |
| 46  | ELC                                                          |                                                     |                                                      | ELC                                                           |
| 47  | EVF                                                          |                                                     |                                                      | EVF                                                           |
| 48  | FCN                                                          |                                                     |                                                      | FCN                                                           |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 49  | FMC                                                          |                                                     |                                                      | FMC                                                           |
| 50  | FPT                                                          |                                                     |                                                      | FPT                                                           |
| 51  | FRT                                                          |                                                     |                                                      | FRT                                                           |
| 52  | FTS                                                          |                                                     |                                                      | FTS                                                           |
| 53  | GAS                                                          |                                                     |                                                      | GAS                                                           |
| 54  | GDT                                                          | GDT                                                 |                                                      |                                                               |
| 55  | GEG                                                          |                                                     |                                                      | GEG                                                           |
| 56  | GEX                                                          |                                                     |                                                      | GEX                                                           |
| 57  | GMD                                                          |                                                     |                                                      | GMD                                                           |
| 58  | GSP                                                          |                                                     |                                                      | GSP                                                           |
| 59  | GVR                                                          |                                                     |                                                      | GVR                                                           |
| 60  | HAG                                                          |                                                     |                                                      | HAG                                                           |
| 61  | HAH                                                          |                                                     |                                                      | HAH                                                           |
| 62  | HAX                                                          |                                                     |                                                      | HAX                                                           |
| 63  | HCM                                                          |                                                     |                                                      | HCM                                                           |
| 64  | HDB                                                          |                                                     |                                                      | HDB                                                           |
| 65  | HDC                                                          |                                                     |                                                      | HDC                                                           |
| 66  | HDG                                                          |                                                     |                                                      | HDG                                                           |
| 67  | HHS                                                          |                                                     |                                                      | HHS                                                           |
| 68  | HHV                                                          |                                                     |                                                      | HHV                                                           |
| 69  | HPG                                                          |                                                     |                                                      | HPG                                                           |
| 70  | HSG                                                          |                                                     |                                                      | HSG                                                           |
| 71  | HT1                                                          |                                                     |                                                      | HT1                                                           |
| 72  | IJC                                                          |                                                     |                                                      | IJC                                                           |
| 73  | IMP                                                          |                                                     |                                                      | IMP                                                           |
| 74  | KBC                                                          |                                                     |                                                      | KBC                                                           |
| 75  | KDC                                                          |                                                     |                                                      | KDC                                                           |
| 76  | KDH                                                          |                                                     |                                                      | KDH                                                           |
| 77  | KSB                                                          |                                                     |                                                      | KSB                                                           |
| 78  | LCG                                                          |                                                     |                                                      | LCG                                                           |
| 79  | LHG                                                          |                                                     |                                                      | LHG                                                           |
| 80  | LIX                                                          |                                                     |                                                      | LIX                                                           |
| 81  | LPB                                                          |                                                     |                                                      | LPB                                                           |
| 82  | LSS                                                          |                                                     |                                                      | LSS                                                           |
| 83  | MBB                                                          |                                                     |                                                      | MBB                                                           |
| 84  | MIG                                                          |                                                     |                                                      | MIG                                                           |
| 85  | MSB                                                          |                                                     |                                                      | MSB                                                           |
| 86  | MSH                                                          |                                                     |                                                      | MSH                                                           |
| 87  | MSN                                                          |                                                     |                                                      | MSN                                                           |
| 88  | MWG                                                          |                                                     |                                                      | MWG                                                           |
| 89  | NAB                                                          |                                                     |                                                      | NAB                                                           |
| 90  | NAF                                                          |                                                     |                                                      | NAF                                                           |
| 91  | NCT                                                          |                                                     |                                                      | NCT                                                           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Tầng 1 và lửng Tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower,  
Số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh  
GCNĐKDN / MST: 0102114655  
Điện thoại: (028) 3730 9999

Website: <https://vtgs.vn>

Email: [info@vtgs.vn](mailto:info@vtgs.vn)

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 92  | NHH                                                          |                                                     |                                                      | NHH                                                           |
| 93  | NKG                                                          |                                                     |                                                      | NKG                                                           |
| 94  | NLG                                                          |                                                     |                                                      | NLG                                                           |
| 95  | NT2                                                          |                                                     |                                                      | NT2                                                           |
| 96  | OCB                                                          |                                                     |                                                      | OCB                                                           |
| 97  | PAC                                                          |                                                     |                                                      | PAC                                                           |
| 98  | PAN                                                          |                                                     |                                                      | PAN                                                           |
| 99  | PC1                                                          |                                                     |                                                      | PC1                                                           |
| 100 | PDR                                                          |                                                     |                                                      | PDR                                                           |
| 101 | PET                                                          |                                                     |                                                      | PET                                                           |
| 102 | PGC                                                          |                                                     |                                                      | PGC                                                           |
| 103 | PHR                                                          |                                                     |                                                      | PHR                                                           |
| 104 | PLX                                                          |                                                     |                                                      | PLX                                                           |
| 105 | PNJ                                                          |                                                     |                                                      | PNJ                                                           |
| 106 | POW                                                          |                                                     |                                                      | POW                                                           |
| 107 | PPC                                                          |                                                     |                                                      | PPC                                                           |
| 108 | PTB                                                          |                                                     |                                                      | PTB                                                           |
| 109 | PVD                                                          |                                                     |                                                      | PVD                                                           |
| 110 | PVT                                                          |                                                     |                                                      | PVT                                                           |
| 111 | REE                                                          |                                                     |                                                      | REE                                                           |
| 112 | SAB                                                          |                                                     |                                                      | SAB                                                           |
| 113 | SAM                                                          |                                                     |                                                      | SAM                                                           |
| 114 | SBG                                                          |                                                     |                                                      | SBG                                                           |
| 115 | SBT                                                          |                                                     |                                                      | SBT                                                           |
| 116 | SCR                                                          |                                                     |                                                      | SCR                                                           |
| 117 | SCS                                                          |                                                     |                                                      | SCS                                                           |
| 118 | SGN                                                          |                                                     |                                                      | SGN                                                           |
| 119 | SGR                                                          |                                                     |                                                      | SGR                                                           |
| 120 | SHB                                                          |                                                     |                                                      | SHB                                                           |
| 121 | SIP                                                          |                                                     |                                                      | SIP                                                           |
| 122 | SJD                                                          |                                                     |                                                      | SJD                                                           |
| 123 | SKG                                                          |                                                     |                                                      | SKG                                                           |
| 124 | SMB                                                          |                                                     |                                                      | SMB                                                           |
| 125 | SSB                                                          |                                                     |                                                      | SSB                                                           |
| 126 | SSI                                                          |                                                     |                                                      | SSI                                                           |
| 127 | STB                                                          |                                                     |                                                      | STB                                                           |
| 128 | SZC                                                          |                                                     |                                                      | SZC                                                           |
| 129 | TCB                                                          |                                                     |                                                      | TCB                                                           |
| 130 | TCH                                                          |                                                     |                                                      | TCH                                                           |
| 131 | TCL                                                          |                                                     |                                                      | TCL                                                           |
| 132 | TCM                                                          |                                                     |                                                      | TCM                                                           |
| 133 | TDM                                                          |                                                     |                                                      | TDM                                                           |
| 134 | TIP                                                          |                                                     |                                                      | TIP                                                           |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch chứng khoán ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 135 | TLG                                                          |                                                     |                                                      | TLG                                                           |
| 136 | TPB                                                          |                                                     |                                                      | TPB                                                           |
| 137 | TRC                                                          |                                                     |                                                      | TRC                                                           |
| 138 | TTA                                                          |                                                     |                                                      | TTA                                                           |
| 139 | TV2                                                          |                                                     |                                                      | TV2                                                           |
| 140 | VCB                                                          |                                                     |                                                      | VCB                                                           |
| 141 | VCG                                                          |                                                     |                                                      | VCG                                                           |
| 142 | VCI                                                          |                                                     |                                                      | VCI                                                           |
| 143 | VDS                                                          |                                                     |                                                      | VDS                                                           |
| 144 | VFG                                                          |                                                     |                                                      | VFG                                                           |
| 145 | VGC                                                          |                                                     |                                                      | VGC                                                           |
| 146 | VHC                                                          |                                                     |                                                      | VHC                                                           |
| 147 | VHM                                                          |                                                     |                                                      | VHM                                                           |
| 148 | VIB                                                          |                                                     |                                                      | VIB                                                           |
| 149 | VIC                                                          |                                                     |                                                      | VIC                                                           |
| 150 | VIP                                                          |                                                     |                                                      | VIP                                                           |
| 151 | VIX                                                          |                                                     |                                                      | VIX                                                           |
| 152 | VJC                                                          |                                                     |                                                      | VJC                                                           |
| 153 | VND                                                          |                                                     |                                                      | VND                                                           |
| 154 | VNM                                                          |                                                     |                                                      | VNM                                                           |
| 155 | VPB                                                          |                                                     |                                                      | VPB                                                           |
| 156 | VPI                                                          |                                                     |                                                      | VPI                                                           |
| 157 | VRE                                                          |                                                     |                                                      | VRE                                                           |
| 158 | VSC                                                          |                                                     |                                                      | VSC                                                           |
| 159 | VTP                                                          |                                                     |                                                      | VTP                                                           |

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://vtgs.vn/giao-dich-ky-quy/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

**NGƯỜI LẬP**

**KIỂM SOÁT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**






**Nguyễn Trần Thảo Nhi**

**Nguyễn Hữu Đức**

**Thái Hoàng Long**